

THÔNG TƯ số 65/1998/TT-BTC ngày 15-5-1998 hướng dẫn sửa đổi Thông tư số 93-TT/LB ngày 7-11-1994 về lệ phí hạn ngạch kinh doanh xuất nhập khẩu hàng dệt, may vào thị trường EC và Thông tư số 100-TC/TCT ngày 3-12-1993 về lệ phí đặt và hoạt động của văn phòng thường trú các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam.

Căn cứ Quyết định số 276-CT ngày 28-7-1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc thống nhất quản lý phí và lệ phí; ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 5869-KHTH ngày 22-10-1994 của Văn phòng

Chính phủ, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 93-TT/LB ngày 7-11-1994 quy định tạm thời chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hạn ngạch về kinh doanh xuất khẩu hàng dệt, may vào thị trường EC (dưới đây gọi là Thông tư số 93-TT/LB), Thông tư số 100-TC/TCT ngày 3-2-1994 hướng dẫn thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí đặt và hoạt động của văn phòng thường trú các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam (dưới đây gọi là Thông tư số 100-TC/TCT).

Qua thời gian thực hiện và để phù hợp với tình hình thực tế, Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi một số nội dung quy định tại Thông tư số 93-TT/LB và Thông tư số 100-TC/TCT như sau:

1. Thay thế Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư số 93-TT/LB bằng Biểu mức thu mới như sau:

| Số thứ tự | Tên chủng loại hàng | Cat | Mức thu |
|-----------|-------------------------------------|-----|----------------|
| 1 | T.shirt, polo-shirt | 4 | 0,02 USD/chiếc |
| 2 | Áo len, áo nỉ, pullovers, cardigans | 5 | 0,05 USD/chiếc |
| 3 | Quần âu, quần soóc | 6 | 0,05 USD/chiếc |
| 4 | Áo sơ mi nữ | 7 | 0,05 USD/chiếc |
| 5 | Áo sơ mi nam | 8 | 0,05 USD/chiếc |
| 6 | Khăn bông, áo tắm | 9 | 20,00 USD/tấn |
| 7 | Găng tay | 10 | 0,05 USD/tá |
| 8 | Bít tất | 12 | 0,05 USD/tá |
| 9 | Quần lót nhỏ | 13 | 0,01 USD/chiếc |
| 10 | Áo khoác nam | 14 | 0,20 USD/chiếc |
| 11 | Áo khoác nữ | 15 | 0,50 USD/chiếc |
| 12 | Quần áo bằng vải dệt thoi | 18 | 50,00 USD/tấn |
| 13 | Áo Jacket | 21 | 0,30 USD/chiếc |
| 14 | Váy liền áo | 26 | 0,05 USD/chiếc |
| 15 | Quần dệt kim | 28 | 0,02 USD/chiếc |
| 16 | Bộ quần áo nữ | 29 | 0,10 USD/chiếc |
| 17 | Áo lót nhỏ | 31 | 0,05 USD/chiếc |

09665927

| | | | |
|----|---------------------------|-----|----------------|
| 18 | Khăn trải giường | 20 | 40,00 USD/tấn |
| 19 | Khăn trải bàn thêu | 39 | 40,00 USD/tấn |
| 20 | Quần áo trẻ em | 68 | 50,00 USD/tấn |
| 21 | Bộ quần áo thể thao | 73 | 0,10 USD/bộ |
| 22 | Quần áo bảo hộ lao động | 76 | 50,00 USD/tấn |
| 23 | Quần áo các loại | 78 | 200,00 USD/tấn |
| 24 | Quần áo dệt kim | 83 | 50,00 USD/tấn |
| 25 | Vải tổng hợp | 35 | 25,00 USD/tấn |
| 26 | Sợi tổng hợp | 41 | 20,00 USD/tấn |
| 27 | Lưới các loại | 97 | 50,00 USD/tấn |
| 28 | Khăn bằng vải lanh | 118 | 40,00 USD/tấn |
| 29 | Quần áo bằng vải thô, đũi | 61 | 50,00 USD/tấn |

2. Tỷ lệ (%) tạm trích tiền thu lệ phí quy định tại Điểm 3, Mục III Thông tư số 93-TT/LB và Điểm 2, Mục II Thông tư số 100-TC/TCT được sửa đổi như sau: Cơ quan trực tiếp tổ chức thu lệ phí được tạm trích 5% tổng số tiền lệ phí thu được để chi phí cho công tác tổ chức thu theo nội dung chi đã quy định.

3. Sửa Điểm 4, Mục III Thông tư số 93-TT/LB và Điểm 2b, Mục II Thông tư số 100-TT/LB như sau: Số tiền còn lại (95%) phải nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước theo thời hạn nộp của cơ quan thuế địa phương quy định, nhưng chậm nhất ngày 10 tháng sau phải nộp hết số phải nộp của tháng trước vào ngân sách nhà nước. Kết thúc năm, cơ quan thu phải quyết toán kết quả thu, nộp, sử dụng tiền thu lệ phí của năm trước với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và trong thời hạn 10 ngày kể từ sau ngày hoàn thành quyết toán phải nộp hết số tiền lệ phí phải nộp vào ngân sách nhà nước, chậm nhất vào ngày cuối tháng 2 hàng năm phải gửi quyết toán thu lệ phí năm trước cho Bộ Tài chính và cơ quan thuế địa phương theo chế độ quy định.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các quy định khác vẫn thực hiện

theo quy định tại Thông tư số 93-TT/LB ngày 7-11-1994 của liên Bộ Tài chính - Thương mại và Thông tư số 100-TC/TCT ngày 3-12-1993 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thư trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

THÔNG TƯ số 66/1998/TT-BTC ngày 18-5-1998 hướng dẫn bổ sung nội dung Điểm 1.3, Phần I, Mục B của Thông tư số 36/1998/TT-BTC ngày 21-3-1998 của Bộ Tài chính.

Căn cứ vào Nghị định số 56-CP ngày 2-10-1996 của Chính phủ về doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích và Thông tư số 6-TCDN ngày 24-2-1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ